

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ NHA TRANG
TỈNH KHÁNH HÒA**

Bản án số: 52/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 09/6/2020
V/v: Ly hôn

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NHA TRANG, TỈNH KHÁNH HÒA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Lê
- *Các hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Đức Đẹp
Bà Nguyễn Thị Tinh
- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thủy - Cán bộ Tòa án
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nha Trang tham gia phiên tòa:*
Ông Lê Hoàng Anh - Kiểm sát viên

Ngày 09 tháng 6 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 40/2019/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 1 năm 2020 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2020/QĐXX-ST ngày 5 tháng 5 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2019/QĐHPT-ST ngày 22 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Bà **Lê Thị T**, sinh năm 1977

Địa chỉ: Thôn 1, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt (có Đơn xin xét xử vắng mặt)

* *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Thanh H**, sinh năm 1972

Nơi ĐKNKTT: Số 8 đường P, phường P, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.
Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Nguyên đơn, Lê Thị T trình bày: Bà và ông Nguyễn Thanh H tự nguyện kết hôn năm 2006, có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn dẫn đến cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc. Vợ chồng đã sống ly thân được nhiều năm. Nhận thấy không còn tình cảm gì đối với ông H nên bà yêu cầu được ly hôn.

- Về con chung: Không có
- Về tài sản chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết
- Về nợ chung: Không có

* Bị đơn, ông Nguyễn Thanh H vắng mặt nên tòa án không ghi nhận được ý kiến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

1]. *Về tố tụng*: Tòa án đã triệu tập ông Nguyễn Thanh H đến tham gia phiên tòa, nhưng tại phiên tòa sơ thẩm (lần 2), ông H vẫn vắng mặt. Ngày 05/5/2020, nguyên đơn, bà Lê Thị T có Đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2]. *Về nội dung*: Ông Nguyễn Thanh H và bà Lê Thị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã Trung Thành, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 18/8/2006. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Bà T xin ly hôn với lý do mâu thuẫn vợ chồng quá trầm trọng, bản thân không còn tình cảm gì với ông H.

Phát biểu quan điểm về hướng giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nha Trang kết luận, có đủ cơ sở để tòa án chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

Hội đồng xét xử xét: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập bị đơn đến tòa án để làm việc và ghi nhận ý kiến về yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn và hòa giải đoàn tụ. Tuy nhiên, đến thời điểm này bị đơn vẫn vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến và không tiến hành hòa giải đoàn tụ được. Bên cạnh đó, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa bà T và ông H đã trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, việc bà T xin ly hôn ông H là chính đáng, có căn cứ, phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. *Về con chung*: Bà T xác định bà và ông H không có con chung, không yêu cầu giải quyết về việc nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. *Về tài sản chung*: Bà T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5]. *Về án phí*: Bà Lê Thị T phải nộp tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 28, 264, 266 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

*** Tuyên xử:**

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; bà Lê Thị T được ly hôn ông Nguyễn Thanh H..

- Về án phí: Bà Lê Thị T phải nộp 300.000đ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm; Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng bà T đã nộp, theo

Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0015947 ngày 07/01/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Nha Trang. Bà T đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định.

Quy định chung: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA**

** Nơi nhận:*

- VKSND TP.Nha Trang
- VKSND tỉnh Khánh Hòa
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- Chi cục THADS TP.Nha Trang;
- UBND xã Trung Thành, huyện Nông Cống
- Các đương sự;
- Lưu

Nguyễn Thị Lệ